

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2024/DS-PT

Ngày: 20/5/2024

“V/v tranh chấp yêu cầu chia
thừa kế theo pháp luật, yêu cầu xác
lập quyền sở hữu đối với tài sản và
chia tài sản chung theo hộ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyết Linh

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 và ngày 20 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu xác lập quyền sở hữu đối với tài sản và chia tài sản chung theo hộ”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 282/2023/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

1. Luật sư Vũ Mạnh T – Thuộc văn phòng luật sư Vũ Mạnh T – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

2. Luật sư Nguyễn Thị Ngọc H - Thuộc văn phòng luật sư Vũ Mạnh T – Thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị L là luật sư Nguyễn Minh Đ – Đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1966 (Vắng mặt).
2. Bà Võ Thị D, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
3. Anh Trần Thanh T2, sinh năm 1998 (Vắng mặt).
4. Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
5. Chị Trần Thị Mỹ T3, sinh năm 1994 (Vắng mặt).
6. Ông Phan Văn T4, sinh năm 1964 (Có mặt).
7. Anh Phan Văn B, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
8. Chị Phan Thị M, sinh năm 1997 (Vắng mặt).
9. Chị Phan Thị Bé N1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật chị Phan Thị Bé N1: Bà Trần Thị L, sinh năm 1964.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Trần Thị L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày: Cha của ông là cụ Trần Văn T5, sinh năm 1940 (chết năm 1964), mẹ là cụ Trần Thị H1, sinh năm 1940 (chết năm 2012) có tất cả 03 người con gồm: Trần Thị L, sinh năm 1964; Trần Văn C, sinh năm 1965 và Trần Thị T1, sinh năm 1966. Cụ T1, cụ H1 qua đời để lại di sản gồm: Thửa đất số 22, diện tích $2.612m^2$, tờ bản đồ C6, loại đất CLN; Thửa đất số 901, diện tích $2.930m^2$, tờ bản đồ C4 loại đất CLN; Thửa đất số 903, diện tích $2.095m^2$, tờ bản đồ C4, loại đất LUA, 03 thửa đất tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang do cụ Trần Thị H1 đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số 1513/QSDĐ được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/10/1998. Cụ T1 và cụ H1 chết không để lại di chúc. Vào

năm 2002 mẹ ông là cụ H1 có cho bà L ở nhờ để cất nhà tường cấp 4 trên thửa đất số 901, diện tích 2.930m² cho đến nay. Năm 2013 ông chia cho bà Trần Thị T1 1.000m² cũng nằm trong thửa đất số 901, diện tích 2.930m² nhưng chưa làm thủ tục sang tên, còn phần đất còn lại của thửa đất này cùng với thửa đất số 903, thửa đất số 22 và căn nhà tường cấp 4 hiện do ông canh tác, quản lý sử dụng để thờ cúng ông bà. Nay ông yêu cầu:

- Yêu cầu công nhận phần diện tích 3.818,5m², trong tổng số 7.637m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cha ông vì đã hết thời hiệu thừa kế nên thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông.

- Yêu cầu sở hữu căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 22, diện tích 2.612m², tờ bản đồ C6, loại đất CLN là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông.

- Phần đất còn lại cấp cho hộ gia đình tổng cộng nếu tính cả mẹ ông, vợ chồng ông và các con ông là 05 người. Như vậy di sản của mẹ ông là 763,7m² (3.818,5m² : 5 = 763,7m²). Nếu chia thừa kế cho 03 người gồm ông, bà L và bà T1 thì mỗi người được 245,5m².

Trường hợp chia thừa kế diện tích bà L nhận nhỏ hơn 1000m² thì ông đồng ý chia cho bà L 1.000m² đất hiện bà L đang quản lý, sử dụng.

- *Bị đơn Trần thị L1 có người đại diện theo ủy quyền là Phạm Trung Đ1 trình bày:* Cha bà Trần Thị L là cụ Trần Văn T5, sinh năm 1940 (*chết năm 1964*), mẹ là cụ Trần Thị H1, sinh năm 1940 (*chết năm 2012*) cha mẹ bà sinh được 01 con chung là bà Trần Thị L. Cụ T5 và cụ H1 chết không có để lại di chúc. Di sản của cha mẹ bà 03 thửa đất: Thửa đất số 22, tờ bản đồ C6, diện tích 2.612m², loại đất CLN (*trong thửa đất số 22 có một căn nhà cấp 4*); Thửa đất số 901, tờ bản đồ C4, diện tích 2.930m², loại đất CLN và thửa đất số 903, tờ bản đồ C4, diện tích 2.095m², loại đất: lúa do Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/10/1998 cho Trần Thị H1 đại diện hộ đứng tên. Sau khi cha bà chết, mẹ bà có quan hệ với người đàn ông khác sinh được 02 con là Trần Văn C, sinh năm 1965; Trần Thị T1, sinh năm 1966 cùng địa chỉ thường trú ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi mẹ bà L còn sống bà chỉ định cho bà sử dụng 1.000m² nằm trong thửa đất số 901 và bà nhận diện tích này sử dụng từ năm 2013 cho đến nay nhưng chưa tách quyền sử dụng đất. Diện tích còn lại cùng tài sản gắn liền là căn nhà và vật dụng sinh hoạt trong nhà do Trần Văn C quản lý, sử dụng. Nay bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang giải quyết:

- Xác định ½ quyền sử dụng đất thuộc 03 thửa đất tổng diện tích 7.637m²

($7.637\text{m}^2/2=3.818,5\text{m}^2$) là di sản thừa kế của cha bà, do cha bà chết không để lại di chúc, cha bà chỉ có 01 con chung là bà (*Trần Thị L*) và do thời hiệu chia thừa kế đã hết nên bà yêu cầu đương nhiên được hưởng phần thừa kế này.

- Xác định $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại là $3.818,5\text{m}^2$ và căn nhà do mẹ bà L tạo lập sau khi cha bà chết là di sản do mẹ bà chết để lại, quyền thừa kế được chia đều cho bà và ông Trần Văn C, bà Trần Thị Tư .

Phần bà L yêu cầu nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thuộc 02 thửa 901 và 903. Riêng đối với căn nhà bà yêu cầu được nhận $\frac{1}{3}$ bằng giá trị.

- *Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Thị T1 trình bày:* Về quan hệ gia đình, cha, mẹ, các anh chị em và di sản để lại của cụ T1 và cụ H1 như nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày là đúng. Đến năm 2002 chú và cậu bà năn nỉ mẹ bà cho bà L về cất nhà ở trên phần đất ở bây giờ. Năm 2012 mẹ bà là cụ H1 mất thì bà L nhờ chính quyền địa phương cho bà L nhận thừa kế 1.000m^2 và anh bà là ông C có nhờ chính quyền cho luôn bà 1.000m^2 để canh tác nhưng bà làm được 02 năm thì bà L đánh bà không cho bà làm nữa cho đến nay. Bà yêu cầu chia di sản của cha mẹ bà để lại chia thừa kế 1.000m^2 trên phần đất của cha mẹ trong thửa đất số 901, có diện tích 2.930m^2 .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T4 trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh T2, chị Trần Thị Mỹ N, chị Trần Thị Mỹ T3, anh Phan Văn B, chị Phan Thị M:* có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày 23/10/2023 bị đơn bà Trần Thị L có nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu được chia tài sản do mẹ bà là cụ Trần Thị H1 để lại gồm 01 tủ thờ, 02 bàn tròn gỗ, 03 bộ ngựa gỗ, 02 cái lu, 02 cái kiệu, 01 cây sao, 01 đôi bông tai cẩm thạch 01 chỉ vàng 24K_r, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24K_r, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24K_r, tiền mặt 10.000.000đồng và tiền cụ H1 được bồi thường tai nạn giao thông là 27.500.000đồng, tổng tài sản tạm tính là 114.000.000đồng. Xét thấy từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án ra quyết định xét xử bà L không có làm đơn yêu cầu

phản tố bổ sung do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự không xem xét yêu cầu này của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 282/2023/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 212, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C chia cho ông Trần Văn C 2.699,9m² đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-5, T-6 (thửa số 901 là T-6 = 967m² và thửa số 903 là T-5 = 1732,9m²) và toàn bộ thửa đất số 22, diện tích 2.226,7m². Xác định căn nhà có diện tích 171m² nằm trên thửa đất số 22 là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Trần Văn C.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn C chia cho bà Trần Thị L 1.049,9m² đất và căn nhà tường cấp 4 có diện tích 197,9m² cùng toàn bộ cây trồng trên đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-1 và T-2 trong thửa đất số 901.

Không chấp nhận yêu cầu công nhận 3.818,5m², trong tổng số 7.637m² thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Trần Văn C.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị L xác định ½ quyền sử dụng đất diện tích 3.818,5m² trong tổng số 7.637m² là di sản thừa kế của cha bà và bà yêu cầu đương nhiên được hưởng phần thừa kế.

Không chấp nhận yêu cầu xác định ½ diện tích còn lại là 3.818,5m² và căn nhà do mẹ bà tạo lập sau khi cha bà chết là di sản do mẹ bà chết để lại.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị T1: Chia cho bà Trần Thị T1 1000m² đất có ký hiệu trong sơ đồ là T-3 và T-4, trong thửa đất số 901 và thửa đất số 903.

(Vị trí phần đất chia cho ông C, bà L và bà T1 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/4/2023 của Công ty TNHH MTV Đ2 và Công ty TNHH Đ3).

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 20/12/2023, bị đơn Trần Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa Phúc thẩm giải quyết:

- Bà yêu cầu được hưởng di sản thừa kế 5091,33 m².
- Căn nhà yêu cầu chia làm 3 phần xin nhận bằng giá trị.
- Yêu cầu chia tài sản của cha bà chết để lại gồm: 01 tủ thờ, 02 bàn tròn gỗ, 03 bộ ngựa gỗ, 02 cái lu, 02 cái kiệu, 01 cây sao, 01 đôi bông tai cẩm thạch 01

chỉ vàng 24Kr, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24Kr, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24Kr, tiền mặt 10.000.000đồng và tiền cụ H1 được bồi thường tai nạn giao thông là 27.500.000đồng, tổng tài sản tạm tính là 114.000.000đồng yêu cầu chia làm 03 kỷ phần tạm tính 38.000.000 đồng.

Ngày 05/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện cái Bè có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 61282/2023/DS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Luật sư Nguyễn Minh Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị L phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè. Tòa sơ thẩm xác định ba người con là hàng thừa kế nhưng án sơ thẩm chia không đều bởi vì nguồn gốc ba thửa đất là của cha mẹ cụ Trần Văn T5 cho vợ chồng cụ T5. Phần tài sản này không phải là của ông C mà ghi là sự tự nguyện của ông C chia tài sản cho các đương sự còn lại là không đúng. Tòa sơ thẩm căn cứ vào công văn trả lời của cơ quan khác để xác định ông C và bà T5 là con của cụ T5 là không đúng. Do đó, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Mạnh T6 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn C phát biểu quan điểm: Án sơ thẩm xử là hoàn toàn hợp lý, phù hợp với luật đất đai, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên bởi vì 03 thửa đất UBND huyện C cấp cho hộ cụ Trần Thị H1 năm 1998, thời điểm này có 05 thành viên, gồm có cụ H1, ông C, bà T5 và hai đứa con ông C, nên đây là tài sản chung của hộ. Bản án sơ thẩm chia đất cho 03 thành viên của hộ là đúng vì lúc đó hai con của ông C còn nhỏ nên không được chia. Bà L được chia thừa kế theo pháp luật thì diện tích phải nhỏ hơn phần bà L được Tòa sơ thẩm chia. Căn nhà trên thửa đất 22 có căn cứ xác định là của ông C xây. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ pháp lý, những sai sót theo quyết định kháng nghị là không lớn, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà L và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thị Ngọc H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn C phát biểu quan điểm: Giai đoạn phúc thẩm ông Trần Văn C nộp giấy khai sinh cha là Trần Văn T5. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Cái Bè là không có cơ sở vững chắc nên đề nghị không xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát. Tòa sơ thẩm xử là có căn cứ. Đất cấp cho hộ cụ Trần Thị H1 nên không đưa hàng thừa kế của cụ Trần Văn T5 tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo bà Trần Thị L: Đối với nguồn gốc 3 thửa đất tranh chấp là của cha mẹ cụ Trần Văn T5 cho cụ T5 và cụ H1 nhưng Tòa sơ thẩm xác định đất cấp cho hộ là không có căn cứ. Tòa sơ thẩm chưa đưa hàng thừa kế của cụ Trần Văn T5 vào tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và hủy án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tòa sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu xác lập quyền sở hữu đối với tài sản và chia tài sản chung theo hộ là đúng với yêu cầu khởi kiện của các đương sự.

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị L làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-DS, ngày 20/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè trong hạn nên hợp lệ.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về xác định thời hiệu chia thừa kế và xác định hàng thừa kế:

Cụ Trần Văn T5 chết năm 1964, cụ Trần Thị H1 chết năm 2012. Thời hiệu chia thừa kế của cụ Trần Văn T5 (tính từ 19/10/1990), thời hiệu là 30 năm nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

Theo bà Trần Thị L thì bà là con của cụ Trần Văn T5 và Trần Thị H1, còn ông Trần Văn C và bà Trần Thị Bé T7 là con của cụ Trần Thị H1, không phải là con của cụ Trần Văn T5 vì cụ Trần Văn T5 chết năm 1964.

Theo ông Trần Văn C và bà Trần Thị Bé T7 thì ông bà là con của Trần Văn T5 và Trần Thị H1.

Căn cứ Công văn số 282/SLĐTBXH-NCC ngày 18/02/2020 của Sở L2 có nội dung như sau: Căn cứ hồ sơ liệt sĩ Trần Văn T5, được lập năm 1977, thể hiện liệt sĩ có vợ và 03 con, Sở đã cấp “Giấy chứng nhận liệt sĩ” ghi năm sinh các con theo gia đình khai, có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Đến ngày 26/12/2014, gia đình đề nghị lập thủ tục đính chính năm sinh của các con liệt sĩ, có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H theo quy định. Căn cứ thủ tục trên, Sở L2 đã đính chính năm sinh của 03 con liệt sĩ phù hợp với các giấy tờ tùy thân (hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân) và cấp lại “Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ” cho gia đình. Năm sinh các con xin đính chính, cụ thể như sau: Năm sinh trong hồ sơ liệt sĩ: Con: Trần Thị L, sinh năm 1963; Con Trần Văn C, sinh năm 1964; Con Trần Thị T7, sinh năm 1965. Năm sinh đề nghị đính chính: Trần Thị L, sinh năm 1964; Trần Văn C, sinh năm 1965; Trần Thị T7, sinh năm 1966.

Căn cứ Công văn số 52/UBND-VP ngày 02/3/2020 của Ủy ban nhân dân xã H có nội dung như sau: Qua xem xét lại hồ sơ lưu trữ tại UBND xã H: Ngày 26/12/2014 bà Trần Thị T7, sinh năm 1966, cư ngụ ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang có đến UBND xã H để lập thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ Trần Văn T5. Khi đến bà Trần Thị T7 có xuất trình các giấy tờ có liên quan như: giấy chứng minh nhân dân bà Trần Thị T7, sinh năm 1966; bà Trần Thị L, sinh năm 1964, ông Trần Văn C, sinh năm 1965, tất cả đều sai năm sinh trong hồ sơ gốc Trần Văn T5. Bộ phận chuyên môn có lập thủ tục điều chỉnh năm sinh của bà Trần Thị T7, sinh năm 1966, bà Trần Thị L, sinh năm 1964, ông Trần Văn C, sinh năm 1965 khớp với giấy chứng minh nhân dân được quy định theo Điều 48 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ L3 hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân. Mục đích điều chỉnh năm sinh trong giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ là để con liệt sĩ được cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định.

Căn cứ vào nội dung Công văn 282 và 52 nêu trên thì có cơ sở xác định ông Trần Văn C và bà Trần Thị T7 là con của cụ Trần Văn T5 và Trần Thị H1.

2. Di sản thừa kế các đương sự tranh chấp là ba thửa đất: Thửa 901, tờ bản đồ số C4, diện tích 2930m² (V), loại đất CLN; Thửa 903, tờ bản đồ C4, diện tích 2095m² (3L), loại đất lúa; Thửa 22 diện tích 2612m² (V), địa chỉ các thửa đất tại H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 20/10/1998 UBND huyện C cấp cho hộ bà Trần Thị H1.

Về nguồn gốc thửa đất 901, 903 và 22 các đương sự đều khai thống nhất là của cha mẹ cụ Trần Văn T5 cho cụ Trần Văn T5 và cụ Trần Thị H1.

2.1 Căn cứ pháp luật xác định di sản của cụ Trần Văn T5 và cụ Trần Thị H1 tại thời điểm mở thừa kế của cụ T5 năm 1964 và của cụ H1 năm 2012.

Theo quy Điều 3 và Điều 49 Luật đất đai năm 1987 thì thửa đất 903 loại đất lúa nên không xem là di sản của cụ T5 để lại. Như vậy thửa 903 là di sản của cụ H1 để lại.

Thửa 901 và thửa 22 là đất cây lâu năm gắn liền nhà và cây trồng trên đất của hai cụ nên xác định là di sản của cụ T5 và cụ H1 để lại. Tòa sơ thẩm không thu thập chứng cứ hàng thừa kế thứ nhất của cụ T5 để đưa vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

2.2 Xét thấy, Tòa sơ thẩm xác định đất cấp cho hộ cụ T5 là không đúng, bởi lẽ đất tranh chấp không phải là đất không có nguồn gốc được nhà nước giao, cho thuê, hay nhận chuyển nhượng hoặc các thành viên trong hộ cùng nhau tạo lập để có quyền sử dụng đất chung hoặc được tặng cho chung.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị L không đồng ý làm thủ tục đo đạc, định giá lại nên Hội đồng xét xử không thể khắc phục những sai sót nêu trên của Tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông L.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 282/2023/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan